TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 24/3/2020.
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ.

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong

Ông Nguyễn Công Sự

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn,nuôi con chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2019/HNGĐ-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 63A, Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn***: Bà Phạm Thị Thùy H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 6, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.***Người kháng cáo*:** Bà Phạm Thị Thùy H - Bị đơn.

4. ***Người kháng nghị*:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tìm hiểu yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/10/2007, quyển số 01/2007.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng ông đầm ấm, hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, xung đột. Vì vậy, bà H đã hai lần khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai nhưng do vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nên bà H đã rút đơn khởi kiện và chuyển về nhà bố mẹ ruột của bà H ở địa chỉ ấp P, xã P, huyện T sinh sống cho đến nay, khi đi bà H dẫn theo hai con chung mà không thông báo cho ông biết.

Do đó, từ khoảng giữa tháng 02/2018 cho đến nay vợ chồng ông đã không còn sống chung với nhau, trong thời gian không sống chung vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ gia đình, để ổn định cuộc sống ông giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Thùy H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành D, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản của ông hiện có 04 công đất trồng cao su, 05 trại nấm để thu hoạch nên thu nhập bình quân mỗi tháng là khoảng 10.000.000 đồng từ việc trồng nấm và khai thác cao su; nhà ở ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc con phát triển tốt về mọi mặt. Việc ông khai thu nhập như trên là dựa trên thực tế có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngoài ra, từ khi bà H tự ý dẫn các con về xã Phú Bình sinh sống gây khó khăn khi ông đến thăm con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Theo ông H, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 09/7/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Thùy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận lời trình bày của ông H về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng là đúng sự thật, vợ chồng kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn hôn ngày 05/10/2007.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng bà hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không có trách nhiệm chăm lo gia đình, mỗi lần vợ chồng xảy ra xung đột thì ông H đánh đập bà, việc này bà khai như vậy chứ có tài liệu gì để chứng minh. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 02/2018 bà đã cùng hai con chung về nhà bố mẹ ruột ở xã P, huyện T sinh sống và làm việc cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, ông H khởi kiện xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008; Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Theo bà H, hiện nay bà đang buôn bán nấm tại chợ Phương Lâm, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đồng, nên đủ điều kiện nuôi dưỡng các con phát triển tốt về mọi mặt. Việc thu nhập thực tế như thế nào, bà khai vậy, không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh lời khai trên, chỉ có một số người là bạn hàng, biết việc bà đang buôn bán tại chợ Phương Lâm. Hơn nữa, từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, các con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng, việc ông H cho rằng bà gây khó khăn khi thăm con là không đúng, bà vẫn tạo điều kiện cho ông H thăm con, nhưng không đồng ý cho ông H đưa các con về nhà thăm ông nội, vì bà sợ ông H không đưa các con về lại cho bà.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Về nợ chung: Theo bà H, vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của các con chung (bản sao); đơn xác nhận hộ khẩu thường trú của bà H (bản chính); đơn xác nhận điều kiện kinh tế, lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ; đơn đề nghị Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Tại phiên tòa, ông H nộp bổ sung tài liệu mới là "Văn bản thỏa thuận về tài sản chung của hộ gia đình" ngoài ra ông H xác định không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Để chứng minh cho ý kiến của mình, bị đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); lời khai của bị đơn tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Các tài liệu bị đơn giao nộp, Tòa án đã tiến hành sao gửi cho nguyên đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung; các biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi dưỡng con chung đề ngày 02/10/2019.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 90/2019/HNGĐ-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 213; Điều 235; Điều 246 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" đối với bà Phạm Thị Thùy H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị Thùy H.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông H, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do các bên không có yêu cầu.

Ông H, bà H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung, các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Ông H, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H, bà H khai không có, nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2019, bị đơn Phạm Thị Thùy H nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử lại vụ án, theo hướng giao 02 con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012 cho bà tiếp tục nuôi dưỡng.

Ngày 27/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giao 02 con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông H và bà H đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên, từ khi ly thân cho đến nay, cả hai cháu đều sống chung với bà H và đều phát triển tốt. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm cháu Danh cũng trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ và em. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp

nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị, sửa án sơ thẩm theo hướng giao cả hai cháu cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Thùy H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định, Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T kháng nghị trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Nội dung kháng cáo, kháng nghị đều yêu cầu giao con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Nhận thấy: Việc các đương sự yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Xét về điều kiện để nuôi dưỡng con chung:

Đối với ông H, ông có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, ngoài thu nhập từ vườn cao su, ông còn có thêm thu nhập từ trang trại nấm, hiện nay, ông có nhà ở ổn định và chấp hành tốt các chính sách pháp luật.

Đối với bà Phạm Thị Thùy H, hiện bà đang sống cùng 02 con chung tại nhà cha mẹ ruột ở huyện Tân Phú. Công việc của bà là buôn bán, thu nhập dao động từ khoảng 10.000.000đ đến 15.000.000đ mỗi tháng.

Như vậy, ông H và bà H đều có đủ khả năng, điều kiện kinh tế để nuôi các con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thành D thể hiện muốn sống chung với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn, tại phiên tòa phúc thẩm, cháu D cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ và em. Qua xác minh tại địa phương cho thấy, cháu D đã sống cùng với bà H và cháu Nguyễn Ngọc Bảo T tại ấp P, xã P, huyện T từ tháng 02/2018 cho đến nay. Trong thời gian sinh sống với bà H, cháu D phát triển bình thường và hiện đang là học sinh lớp 6/5 của trường Trung học

cơ sở Phú Bình. Hiện cháu D đang trong độ tuổi phát triển, có nhiều thay đổi về tâm sinh lý, nên cần sự gần gũi, dạy dỗ của người mẹ. Để không xáo trộn cuộc sống ổn định hiện nay của cháu D và cháu T, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, việc giao cháu D và cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ các nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tân Phú là có căn cứ, chấp nhận. Sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H được chấp nhận, nên bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thùy H; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 90/2019/HNGĐ-ST ngày 12/11/2019, của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 213; Điều 235; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị Thùy H.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 20/11/2008 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/12/2012 cho bà Phạm Thị Thùy H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không có yêu cầu.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng, theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông H, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông H, bà H khai không có, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008045 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thùy H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H đã nộp theo biên lai số 005907 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Tân Phú;
- Chi cục THADS H. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Sỹ